CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện

Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.[1]

---

[1] Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; nhiệm vụ, quyền hạn điều tra hình sự của các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra các cấp, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân; bố trí các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

2. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; cấp trưởng, cấp phó cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc lực lượng Công an nhân dân.

3. Công an các đơn vị, địa phương.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an[2]

1. Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

2. Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an là Phó Thủ trưởng Thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; một Phó Chánh văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện."

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

3. Cục trưởng, một Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát hình sự; Cục trưởng, một Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

4. Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án hình sự do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

2. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật; giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thống kê, báo cáo về công tác điều tra hình sự.

3. Điều tra vụ án hình sự đã rõ cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi phạm tội (sau đây gọi chung là người thực hiện hành vi phạm tội) thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về những tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan An ninh điều tra và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu[3]) trong các trường hợp sau đây:

a) Do trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, phạm tội quả tang;

c) Do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

4. Tiến hành điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

---

[3] Cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về các tội phạm khác theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

6. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các vụ án hình sự do Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

8. Tham mưu, giúp thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với các cơ quan của lực lượng Cảnh sát nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác giữ người, bắt người, tạm giam, tạm giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an nhân dân;

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

9. Theo dõi, đề xuất, trực tiếp thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ đối với những trường hợp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thực hiện hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

10. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát hình sự

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an), tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án hình sự do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm,

kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về các tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan An ninh điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu[4]).

4. Tiến hành điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát hình sự Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu[5]

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an), tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm

---

[4] Cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[5] Cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3.[6] Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về các tội phạm quy định tại Chương XVIII, Chương XIX, Chương XXIII, các điều 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180 Chương XVI (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 324 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

4. Tiến hành điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5.[7] Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

Điều 7. [8] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an), tiếp nhận tố giác, tin báo

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[8] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về những tội phạm quy định tại Chương XX của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Tiến hành điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

Điều 9. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Phó Giám đốc phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra là Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; một Phó Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

3. Trưởng phòng và một Phó Trưởng phòng Cảnh sát hình sự phụ trách tố tụng, trọng án là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Riêng phòng Cảnh sát hình sự Công an các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm Trưởng phòng và hai Phó Trưởng phòng (phụ trách tố tụng và trọng án) là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

4. Trưởng phòng và một Phó Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phụ trách tố tụng là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

5.[9] Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật; giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ người thực hiện hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về các tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra) trong các trường hợp sau đây:

a) Do trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, phạm tội quả tang;

c) Do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

4. Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về các tội phạm khác theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

5. Tham mưu, giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với các cơ quan của lực lượng Cảnh sát nhân dân thuộc Công an tỉnh được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác giữ người, bắt người, tạm giam, tạm giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

6.[10] Thẩm định vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

7.[11] Trực tiếp thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ đối với những trường hợp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

8.[12] Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát hình sự

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh), tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, người bị

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), đầu thú, các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về các tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan An ninh điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu[13]).

4. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện xin ý kiến.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu[14]

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh), tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát

---

[13] Cụm từ "Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ" được sửa đổi bằng cụm từ "Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[14] Cụm từ "Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ" được sửa đổi bằng cụm từ "Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu" theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

điều tra Công an cấp tỉnh phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3.[15] Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về các tội phạm quy định tại các chương XVIII, XIX và XXIII, các điều 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180 Chương XVI (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 324 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

4. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện xin ý kiến.

Điều 13. [16] ***(được bãi bỏ)***

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh), tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

---

[15] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về các tội phạm quy định tại Chương XX của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án về ma túy do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện xin ý kiến.

Điều 15. Bố trí các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện

1. Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ tình hình tội phạm, cơ sở vật chất, số lượng Điều tra viên, Cán bộ điều tra của địa phương, đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an[17], Cục Tổ chức cán bộ[18]) xem xét, quyết định bố trí các đội điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện cho phù hợp; mỗi đội điều tra tối thiểu phải có 02 điều tra viên và 02 cán bộ điều tra, nếu chưa đủ thì chưa thành lập đội. Việc bố trí thực hiện như sau:

a) Trường hợp bố trí đủ 04 đội điều tra thì lấy tên là Đội Điều tra tổng hợp, Đội Cảnh sát hình sự, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;

b) Trường hợp bố trí 03 đội điều tra thì lấy tên là Đội Điều tra tổng hợp, Đội Cảnh sát hình sự và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy;

c) Trường hợp bố trí 02 đội điều tra thì lấy tên là Đội Điều tra tổng hợp và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy;

d) Trường hợp chỉ bố trí 01 đội điều tra thì lấy tên là Đội Điều tra tổng hợp, trong đó có các tổ chuyên trách.

2. Cục Tổ chức cán bộ[19] chủ trì, phối hợp với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an[20] căn cứ đề xuất của Giám đốc Công an cấp tỉnh để báo

---

[17] Cụm từ "Tổng cục Cảnh sát" được sửa đổi bằng cụm từ "Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[18] Cụm từ "Tổng cục Chính trị Công an nhân dân" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục Tổ chức cán bộ" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[19] Cụm từ "Tổng cục Chính trị Công an nhân dân" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục Tổ chức cán bộ" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định thành lập các đội điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 16. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện

1. Trưởng Công an cấp huyện là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Một Phó trưởng Công an cấp huyện phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện hằng năm giải quyết trên 200 vụ án (vụ án đã khởi tố và quyết định không khởi tố vụ án) thì được bố trí 02 Phó trưởng Công an cấp huyện phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Điều tra tổng hợp

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật; giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ người thực hiện hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện về các tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ

56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[20] Cụm từ "Tổng cục Cảnh sát" được sửa đổi bằng cụm từ "Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra) trong các trường hợp sau đây:

a) Do trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, phạm tội quả tang;

c) Do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

4. Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện về các tội phạm khác theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

6. Tham mưu, giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

b) Kiểm tra, hướng dẫn Công an xã, phường, thị trấn, đồn Công an thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác giữ, bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện;

d) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

7. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Cảnh sát hình sự

1. Tham gia công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án hình sự do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua Đội Điều tra tổng hợp) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện về các tội phạm quy định tại các

chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan An ninh điều tra, Đội Điều tra tổng hợp và Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ).

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ

1. Tham gia công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (do cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua Đội Điều tra tổng hợp) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện về các tội phạm quy định tại các chương XVIII, XIX và XXIII, các điều 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180 Chương XVI (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 324 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý

1. Tham gia công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, lời khai của người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt trong trường hợp đang có quyết định truy nã (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân giải đến), các trường hợp phạm tội quả tang; tiếp nhận hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, hồ sơ vụ án do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến; phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện (qua Đội Điều tra tổng hợp) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện về các tội phạm quy định tại Chương XX của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra tội phạm trong trường hợp không bố trí đủ 04 đội điều tra

1. Đội Điều tra tổng hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư này có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điều 17, 18, 19 và 20 Thông tư này; Đội Điều tra tổng hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 15 Thông tư này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

2. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Thông tư này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các điều 18, 19 và 20 Thông tư này.

3. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Thông tư này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Thông tư này.

Điều 22. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an

1.[21] Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách lực lượng An ninh là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an;

2. Cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; các Phó cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

Điều 23. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh

1. Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh phụ trách công tác an ninh là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; trường hợp có 02 Phó Giám đốc Công an tỉnh phụ trách an ninh trở lên thì Phó Giám đốc phụ trách Phòng An ninh điều tra là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Trưởng phòng An ninh điều tra Công an cấp tỉnh là Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh; các Phó Trưởng phòng An ninh điều tra là Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 24. Tiến hành điều tra vụ án hình sự về tội phạm khác liên quan đến an ninh quốc gia hoặc để đảm bảo khách quan theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an

Đối với những vụ án hình sự về tội phạm khác liên quan đến an ninh quốc gia hoặc để đảm bảo khách quan quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 thì Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công

---

[21] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

an cấp tỉnh đề xuất Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an (qua Cục An ninh điều tra[22]) quyết định phân công Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh tiến hành điều ra.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra[23]

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông (Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát đường thủy hoặc Phòng Cảnh sát giao thông đối với các tỉnh không thành lập Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt hoặc Phòng Cảnh sát đường thủy):

a) Cục Cảnh sát giao thông trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm hoặc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm được quy định tại các điều 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276 và 281 Mục 1 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc sự việc xảy ra trên đường thủy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này;

b) Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm hoặc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm được quy định tại các điều 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276 và 281 Mục 1 Chương XXI của Bộ luật hình sự năm 2015 thì Trưởng phòng Phòng Cảnh sát thông đường bộ - đường sắt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này;

c) Phòng Cảnh sát đường thủy Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu của tội phạm hoặc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm xảy ra trên đường thủy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Trưởng phòng Phòng Cảnh sát đường thủy thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này;

d) Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh (đối với các tỉnh không thành lập Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt hoặc Phòng Cảnh sát

---

[22] Cụm từ "Tổng cục An ninh" được sửa đổi bằng cụm từ "Cục An ninh điều tra" theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[23] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

đường thủy) thì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này.

2. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 305, 307, 311, 312 và 313 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

3. Trại giam trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện tội phạm liên quan đến công tác quản lý giam giữ hoặc phát hiện người đang thi hành án phạt tù có hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân thì Giám thị Trại giam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

4. Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XIX và Điều 193, 194, 195, 227, 228, 229, 232, 233, 234, 315 và 317 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng Cục Cảnh sát môi trường; Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

5. Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu của tội phạm quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Mục 2 Chương XXI, các tội phạm quy định tại các điều 207, 208, 282, 283, 284, 299, 300, 303, 304, 305, 309, 337, 338; 174, 206, 217a, 225, 321, 326 và 328 (trường hợp hành vi phạm tội có liên quan đến sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

6. Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 347, 348, 349 và 350 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 37 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

7. Các cục nghiệp vụ an ninh khác ở Bộ Công an; các phòng nghiệp vụ an ninh khác thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp đấu tranh phòng, chống các tội phạm trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XIII, Chương XXVI và các tội phạm quy định tại các điều 207, 208, 282, 283, 284, 299, 300, 303, 304, 305, 309, 337, 338 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng; Trưởng phòng các phòng An ninh thuộc Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 37 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

8. Đội An ninh ở Công an cấp huyện trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh thì tiến hành ngay việc truy bắt người có hành vi phạm tội chạy trốn, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án và báo ngày cho Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 26. [24] ***(được bãi bỏ)***

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[25]

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra các vụ án hình sự được phân công căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều

---

[24] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[25] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018 quy định như sau:

"***Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

1. Cục An ninh điều tra Bộ Công an, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục An ninh điều tra Bộ Công an, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an) để có hướng dẫn kịp thời./."

10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 23, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 25 và Điều 26 của Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân mà sau ngày 01 tháng 01 năm 2018 chưa kết thúc điều tra thì tiếp tục tiến hành điều tra đối với các vụ án hình sự đó theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra các vụ án hình sự được phân công căn cứ vào quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 25 Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân mà sau ngày 01 tháng 01 năm 2018 chưa kết thúc điều tra thì phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền. Đối với những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Trại giam thì tiếp tục tiến hành điều tra đối với vụ án đó theo quy định của pháp luật.

2a.[26] Nhiệm vụ, quyền hạn được phân công căn cứ vào quy định tại Điều 7 và Điều 13 của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện mà sau ngày 06 tháng 8 năm 2018 chưa thực hiện xong thì chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

2b.[27] Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra các vụ án hình sự của Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 25 của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện mà sau ngày 06 tháng 8 năm 2018 chưa kết thúc điều tra thì chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

---

[26] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

[27] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, thay thế Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân và những quy định trước đây của Bộ Công an trái với Thông tư này.

Điều 29.[28] ***(được bãi bỏ)***

BỘ CÔNG AN

Số: 07 /VBHN-BCA

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03(P4).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2018

BỘ TRƯỞNG

Thượng tướng Tô Lâm

[28] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2018.